

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Hoàng

Ông Đặng Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vũ Thường, sinh ngày: 25/3/1984; Nơi cư trú: Thôn V, xã CH, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Bà Tcó đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Đình D, sinh ngày: 20/02/1983; Nơi cư trú: Tổ dân phố LS, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 và bản tự khai ngày 19/4/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vũ Ttrình bày:* Bà và ông Lê Đình D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyền số 01 ngày 02/4/2015.

Vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn, đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Ông D tiêu tốn hết tài sản chung của vợ chồng và tẩu tán cho người khác, khi đó bà mang thai con chung của vợ chồng mà không hề hay biết, đến khi phát hiện ra sự việc thì ông D lẳng lẽ ra về nhà bố mẹ ruột của ông tại BN cho đến nay. Từ ngày bà sinh con đến nay, ông D không quan tâm, chăm sóc hai mẹ con bà; hiện nay bà không còn tình cảm với ông D, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà và ông D có 01 con chung Lê Nguyễn Anh H, sinh ngày: 12/4/2017. Bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Bà và ông D không nợ.

* Bị đơn ông Lê Đình D có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông D cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thường. Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn ông D; về con chung: Giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyền số 01 ngày 02/4/2015 (bản sao); Trích lục khai sinh con chung (bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ đứng tên bà Nguyễn Thị Thái (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà T (bản sao); Biên bản xác minh ngày 20/4/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Vũ T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Đình D. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 28/5/2021, nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của

pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Thường.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông D nhưng ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường BN, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 quyền số 01 ngày 02/4/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn; do vợ chồng không thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống; không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và hiện nay bà T không còn tình cảm với ông D. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông D đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông D không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Tại Biên bản xác minh ngày 06/5/2021, chính quyền địa phương cung cấp: “Chị Nguyễn Thị Vũ T, sinh năm 1984 và anh Lê Đình D, sinh năm 1983, địa chỉ tại tổ dân phố LS, phường BN, R, Khánh Hòa có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn của chị T và anh D là gì thì chính quyền địa phương không biết do chị Thường, anh D không thông báo cũng như hòa giải tại địa phương.” Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng ông D, bà T đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Thường.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông D có 01 con chung Lê Nguyễn Anh H, sinh ngày: 12/4/2017. Bà T yêu cầu được nuôi con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu H là nữ, còn nhỏ và hiện nay đang sống cùng với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung Anh H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Twụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vũ Thường.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vũ Tđược ly hôn ông Lê Đình D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Vũ T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Nguyễn Anh H, sinh ngày: 12/4/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Vũ T không yêu cầu ông Lê Đình D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Vũ T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vũ T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001242 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà Tđã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị Vũ T, ông Lê Đình D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường BN, t.p R, tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Công